



RESULTS

Rank	Back No.	Name	NOC	Elimination	6's	5's	Score
1	009E	葉芷余	KHC	144 /1	8	7	144
2	009G	韋如玉	KLC	125 /2	4	5	125
3	012E	孫薇	NTPC	124 /3	5	4	124
4	011E	鄭蘭君	HLH	120 /4	3	6	120
5	011F	李昀靜	TCC	120 /5	1	4	120
6	009F	蔡佩綺	TNC	119 /6	3	3	119
7	010H	陳佳琳	KHC	118 /7	1	5	118
8	012F	隋昀瑾	NTPC	111 /8	1	2	111
9	010E	王媛昕	TYC	108 /9	2	3	108
10	010F	劉芯妘	HCH	107 /10	1	7	107
11	009H	林依健	HCC	106 /11	2	6	106
12	011G	杜詩葦	HCC	102 /12	3	2	102
13	012G	王芯柔	TYC	96 /13	2	1	96
14	010G	林承慧	TPC	93 /14	2	1	93
15	011H	劉詩翎	HCH	87 /15	0	0	87
16	012H	黃子菱	TCC	72 /16	2	2	72



RESULTS

Rank	Back No.	Name	NOC	Elimination	6's	5's	Score
1	005E	葉芷余	KHC	88 / 1	1	6	88
2	006E	韋如玉	KLC	87 / 2	0	4	87
3	007E	孫薇	NTPC	84 / 3	2	5	84
4	007F	陳佳琳	KHC	82 / 4	3	2	82
5	006F	蔡佩綺	TNC	80 / 5	2	1	80
6	008F	隋昀瑾	NTPC	78 / 6	3	3	78
7	008E	鄭蘭君	HLH	68 / 7	1	1	68
8	005F	李昀靜	TCC	60 / 8	1	1	60